

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH P

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 111/2024/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 11 năm 2024
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ V Tuấn;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phẩm.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh P.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên toà:** Ông Hoàng Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2024/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2024 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Thanh H - sinh năm 1993.

ĐKKHKT: khu 3, xã S, huyện L, tỉnh P.

Hiện nay đang ở nước ngoài.

- **Bị đơn:** Anh Tạ V L - sinh năm 1987.

ĐKKHKT: khu 3, xã S, huyện L, tỉnh P.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Bà Trần Thị B, sinh năm 1960.

ĐKKHKT: khu 3, xã S, huyện L, tỉnh P.

(Các đương sự đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Trần Thị Thanh H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Tạ V L tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 05/9/2011 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh P. Thời gian đầu

sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận. Sau đó một thời gian chị H đi lao động ở nước ngoài, từ đó đến nay giữa anh chị thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng sống xa nhau và bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng vợ chồng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được M hôn với anh L.

Về con chung: chị Trần Thị Thanh H xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Tạ Thị Khánh M, sinh ngày 14/3/2012 và cháu Tạ Khánh V, sinh ngày 08/3/2014. Chị H đề nghị Tòa án giao cháu M cho anh L và giao cháu V cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi M hôn. Trong thời gian chị H ở nước ngoài, chị H ủy quyền cho bà Trần Thị B (mẹ đẻ anh L) sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V cho đến khi chị H về nước. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: chị Trần Thị Thanh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí M hôn: chị Trần Thị Thanh H xin tự nguyện chịu toàn bộ.

- *Tại Bản tự khai ngày 31/10/2024 bị đơn anh Tạ V L trình bày:*

Về việc chị H khởi kiện M hôn anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung là cháu Tạ Thị Khánh M, sinh ngày 14/3/2012 và cháu Tạ Khánh V, sinh ngày 08/3/2014. Anh L đề nghị Tòa án giao cả 02 cháu M và cháu V cho anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi anh và chị H M hôn. Về các vấn đề khác anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị B trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Tạ V L. Việc chị H khởi kiện M hôn anh L, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung, bà B không nhất trí với yêu cầu của chị H. Bà B từ chối nhận ủy quyền của chị H về việc thay mặt chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V trong thời gian chị H ở nước ngoài. Bà đề nghị Tòa án giao cả 2 cháu M và V cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì hiện anh L vẫn đang chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung từ khi chị H đi nước ngoài đến nay.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: công nhận thuận tình M hôn giữa chị Trần Thị Thanh H và anh Tạ V L. Về con chung: giao cháu Tạ Thị Khánh M, sinh ngày

14/3/2012 và cháu Tạ Khánh V, sinh ngày 08/3/2014 cho anh Tạ V L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trần Thị Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, công nợ chung: không đặt ra xem xét. Về án phí: chị Trần Thị Thanh H phải chịu án phí M hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Trần Thị Thanh H nộp đơn xin M hôn anh Tạ V L tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Xét đơn khởi kiện đề ngày 16/7/2024 của chị H có chứng thực của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh P.

Chị H, anh L, bà B đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh P đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị H, anh L, bà B.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Thanh H và anh Tạ V L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh P vào ngày 05/9/2011. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị H và anh L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng xa nhau và bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng vợ chồng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được M hôn với anh L.

Ngày 31/10/2024 anh L đã có bản tự khai trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H gửi từ nước ngoài về. Trong bản tự khai anh L trình bày anh nhất trí M hôn với chị H.

Hội đồng xét xử thấy rằng chị H và anh L đã không còn chung sống cùng với nhau, vợ chồng sống M thân đã một thời gian dài, không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, chị H và anh L đều nhất trí M hôn với nhau. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, cần công nhận thuận tình M hôn giữa chị H và anh L.

- Về con chung: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định chị H và anh L có 02 con chung là cháu Tạ Thị Khánh M, sinh ngày 14/3/2012 và

cháu Tạ Khánh V, sinh ngày 08/3/2014. Chị H đề nghị Tòa án giao cháu M cho anh L và giao cháu V cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi M hôn. Trong thời gian chị H ở nước ngoài, chị H ủy quyền cho bà Trần Thị B (mẹ đẻ anh L) sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V cho đến khi chị H về nước.

Xét thấy, hiện nay cả 02 cháu M và cháu V đang được anh L chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp. Chị Huyền đang ở nước ngoài không có mặt ở Việt Nam. Hơn nữa tại đơn trình bày nguyện vọng cả cháu M và cháu V đều thể hiện có mong muốn được ở cùng với bố sau khi bố mẹ M hôn. Bà B (mẹ đẻ anh L) cũng đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho anh L chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi anh chị M hôn và từ chối nhận ủy quyền của chị H về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V.

Do vậy, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và việc học tập của cháu M và cháu V cần giao cả 02 con chung cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi anh L, chị Huyền M hôn là phù hợp với điều kiện thực tế và nguyện vọng của các con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: chị H phải án phí M hôn sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: công nhận thuận tình M hôn giữa chị Trần Thị Thanh H và anh Tạ V L.

[2] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: giao cháu Tạ Thị Khánh M, sinh ngày 14/3/2012 và cháu Tạ Khánh V, sinh ngày 08/3/2014 cho anh Tạ V L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Trần Thị Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị Thanh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí M hôn sơ thẩm: chị Trần Thị Thanh H phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí M hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Trần Thị Thanh H (do ông Nguyễn Việt Tiến nộp thay) đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000351 ngày 01/10/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh P. Hoàn trả lại chị Trần Thị Thanh H số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: anh Tạ V L, bà Trần Thị B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Thời hạn kháng cáo của chị Trần Thị Thanh H là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- UBND xã S;
- Đương sự;
- Lưu: AV, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Ngọc Tuấn